

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v “Ly hôn giữa chị T và anh Ng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- **Thư ký phiên tòa:** bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân** huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**

1. Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Nguyễn Thị M2, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1970 (có mặt ngày 29, vắng mặt ngày 30/11/2018)

Nơi cư trú: thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xóm V, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

6. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có mặt ngày 29, vắng mặt ngày 30/11/2018)

Nơi cư trú: thôn Ch, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Các chị Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị T ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/03/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn ngày 14/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ng ngoại tình, vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã, tuy nhiên hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Đến tháng 9/2018, vợ chồng sống ly thân, từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải, động viên nhiều lần để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh Ng.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/10/2009, Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2014. Từ tháng 9/2018 đến nay cả 03 con chung đang ở với anh Ng. Ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Thúy H và Nguyễn Quang V và để anh Ng nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh M. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T thay đổi ý kiến và đề nghị xin được tiếp tục nuôi cả 03 con chung, nếu không được thì chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Quang V và Nguyễn Khánh M, để anh Ng nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thúy H, chị yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 1.000.000 đồng/tháng cho cháu M từ khi ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: trong đơn ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 16/5/2018, chị có đơn yêu cầu chia tài sản chung và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa chị T yêu cầu chia tài sản chung cụ thể như sau: 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích 70 m², 01 nhà bếp và nhà vệ sinh tự hoại trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang; 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Biển kiểm soát (BKS) 29A - 920.61; 01 chiếc xe máy

Honda Air Blade; 02 chiếc xe máy Honda wave alpha; 01 chiếc tủ lạnh panasonic; 01 máy giặt SHARP; 01 bình nóng lạnh; 01 máy lọc nước; 01 điều hòa LG; 01 ti vi LG; 01 bộ loa đài, âm ly; 01 bộ bàn ghế; 01 bàn thờ; 01 bộ đồ nghề làm đậu; 85 cây bưởi trồng năm 2017; 02 con lợn sề; 06 chỉ vàng do anh Ng quản lý; 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn diện tích khoảng 40 m² trên diện tích đất 200 m² tại thửa số 417, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang và sổ tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T: 01 sổ tiết kiệm 344.000.000 đồng đứng tên anh Nguyễn Văn Ng gửi năm 2017, anh Ng đã rút ra tháng 3/2018; 01 sổ tiết kiệm trị giá 73.000.000 đồng đứng Nguyễn Thị T gửi năm 2017, chị rút tháng 3/2018. Chị đề nghị được sở hữu, quản lý, sử dụng 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn diện tích khoảng 40 m² và diện tích đất 200 m² tại thửa số 417, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang còn để anh Ng sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản chung còn lại. Tại phiên tòa, chị T rút yêu cầu chia 06 chỉ vàng.

Nghĩa vụ chung về tài sản: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Ruộng canh tác: chị ý kiến tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến trên.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 03 năm 2018, biên bản ghi lời khai ngày 28 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Văn Ng trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, việc hòa giải động viên của hai bên gia đình, thời điểm sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, anh Ng cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2017. nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay anh xác định T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/10/2009, Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2014. Cả 03 con chung đang ở với anh từ tháng 9/2018 cho đến nay. Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Quang V và để chị T nuôi con chung là Nguyễn Thúy H và Nguyễn Khánh M, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra. Nếu chị T không đồng ý thì anh sẽ nuôi 02 con chung là Nguyễn Quang V và Nguyễn Khánh M, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tài sản chung: trong thời kỳ hôn nhân anh và chị T tạo dựng được khối tài sản chung gồm 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI BKS 29A - 920.61 mang tên chủ xe Bùi Văn C và thửa đất số 417, tờ bản đồ 18, diện tích 200 m², địa chỉ thửa đất tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang và tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây bằng cay vôi lợp mái tôn, diện tích 40 m²; 01 chiếc xe máy Honda Air Blade

BKS 98B1-913.17 mang tên Nguyễn Văn Ng; 01 chiếc xe máy Wave Alpha BKS 98H4-0448 mang tên Hoàng Văn T; 01 chiếc xe máy wave Alpha mang BKS 98M7-1074 mang tên Nguyễn Văn Ng; 01 tủ lạnh panasonic; 01 máy giặt SHARP; 01 bình nước nóng; 01 máy lọc; 01 điều hòa LG; 01 chiếc ti vi LG; 01 bộ loa đài, âm ly; 01 bộ bàn ghế gỗ lim; 01 bàn thờ gỗ gụ; 01 bộ đồ nghề làm đầu; 02 con lợn sề mỗi con khoảng 90 kg. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh thừa nhận vợ chồng còn có tài sản chung là: 01 nhà bếp và 01 nhà vệ sinh tự hoại trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, anh đồng ý chia theo quy định của pháp luật.

Về ngôi nhà 02 tầng diện tích 70 m² nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang chị T trình bày là tài sản chung của vợ chồng anh Ng không đồng ý, anh Ng ý kiến đây là tài sản của bố anh - ông Nguyễn Quý V đứng ra xây dựng năm 2005, hiện bố anh đã chết năm 2009. Anh không đồng ý chia vì đây là di sản thừa kế bố anh để lại cho các chị em anh chưa chia. Trong quá trình giải quyết vụ án anh được các chị gái gồm: Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị T ủy quyền cho anh và toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến ngôi nhà 02 tầng này, anh đồng ý nhận sự ủy quyền này. Tại phiên tòa anh xác định vợ chồng anh cũng có công sức đóng góp vào việc xây dựng ngôi nhà này nên đồng ý trích chia một phần công sức đóng góp cho chị T.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ruộng canh tác: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Ng vẫn giữ nguyên ý kiến trên và vẫn đồng ý nhận sự ủy quyền của các chị gái anh.

Tại bản tự khai ngày 06 tháng 10 năm 2018, và lời khai tiếp theo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch và Nguyễn Thị T trình bày: các chị là con gái ruột của ông Nguyễn Quý V, sinh năm 1941 đã chết năm 2009, con bà Dương Thị Ch, sinh năm 1941, chết năm 2004, là chị gái ruột của anh Nguyễn Văn Ng. Năm 2002, anh Nguyễn Văn Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Hiện nay chị T và anh Ng đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Yên và có nội dung chị T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Các chị ý kiến: chị T, anh Ng trong thời kỳ hôn nhân có tạo dựng được khối tài sản chung vợ chồng gồm 01 thửa đất tại thôn V, xã L và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Còn ngôi nhà 02 tầng tại thôn Y, xã C mà hiện chị T, anh Ng đang ở là nhà do bố để các chị là ông Nguyễn Quý V xây dựng từ năm 2004, là di sản của bố các chị để lại chứ không phải là tài sản chung của anh Ng, chị T. Nay bố các chị đã chết, các chị chưa có ý định yêu cầu chia thừa kế, mà tạm thời các anh chị em trong gia đình nhất trí để cho anh Nguyễn Văn Ng tiếp tục trông nom,

quản lý và thờ cúng bố mẹ. Việc chị T yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà nói trên các chị không đồng ý. Các chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ng thay mặt các chị tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp kể từ thời điểm viết bản tự khai đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của anh Ng cũng là quyết định của các chị. Tại phiên tòa, chị Ch, chị T có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trên.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 10 năm 2018, và lời khai tiếp theo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị H trình bày: các chị là con gái ruột của ông Nguyễn Quý V, sinh năm 1941 đã chết năm 2009, con bà Dương Thị Ch, sinh năm 1941, chết năm 2004, là chị gái ruột của anh Nguyễn Văn Ng. Năm 2002, anh Nguyễn Văn Ng kết hôn với chị Nguyễn Thị T, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Hiện nay chị T và anh Ng đang giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Yên và có nội dung chị T yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Các chị ý kiến: chị T, anh Ng trong thời kỳ hôn nhân có tạo dựng được khối tài sản chung vợ chồng gồm 01 thửa đất tại thôn V, xã L và một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Còn ngôi nhà 02 tầng tại thôn Y, xã C mà hiện chị T, anh Ng đang ở là nhà do bố đẻ các chị là ông Nguyễn Quý V xây dựng từ năm 2004, là di sản của bố các chị để lại chứ không phải là tài sản chung của anh Ng, chị T. Nay bố các chị đã chết, các chị chưa có ý định yêu cầu chia thừa kế, mà tạm thời các anh chị em trong gia đình nhất trí để cho anh Nguyễn Văn Ng tiếp tục trông nom, quản lý và thờ cúng bố mẹ. Việc chị T yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà nói trên các chị không đồng ý. Các chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ng thay mặt các chị tham gia tố tụng tại Tòa án các cấp kể từ thời điểm viết bản tự khai đến khi kết thúc vụ án. Mọi quyết định của anh Ng cũng là quyết định của các chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Ng; Về con chung: Giao cho chị T nuôi cháu V và cháu H, anh Ng nuôi cháu M, anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; Về tài sản: Giao cho chị T quản lý sử dụng số tiền 77.000.000 đồng; 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn trị giá 69.983.000 và 200m² đất tại thửa số 417, tờ bản đồ số

18, địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T trị giá 406.000.000 đồng; 20.000.000 đồng tiền công sức đóng góp xây dựng, tôn tạo và bảo quản ngôi nhà mà ông V bố để ông Ng xây dựng nhưng chị T phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho anh Ng số tiền 87.103.000 đồng. Giao cho anh Ng quản lý ngôi nhà 2 tầng trên diện tích 70 m² nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến khi có yêu cầu chia thừa kế. Anh Ng có quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung còn lại, được nhận trích chia chênh lệch giá trị tài sản từ chị T số tiền 87.103.000 đồng.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh Ng phải chịu án phí về tài sản đối với số tài sản mà chị T và anh Ng được hưởng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 29 tháng 03 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T với bị đơn là anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1982, nơi cư trú: thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[2] Về T cảm vợ chồng: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ng kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị T về gia đình anh Ng làm dâu ngay. Trong quá trình chung sống, khoảng năm 2009, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, dẫn đến thường X đánh cãi vã, tình cảm sút mẻ, đỉnh điểm là vào năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng. Gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, anh chị sống ly thân nhau từ tháng 9/2018 đến nay. Tại phiên tòa, cả chị T và anh Ng đều thừa nhận hiện nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, tình T cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thuận tình ly hôn. Vì vậy HĐXX thấy hiện mâu thuẫn giữa chị T, anh Ng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Ng.

[3] Về con chung: chị T và anh Ng có 03 con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/10/2009, Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2014. Hiện nay cả 03 con chung đang ở với anh Ng từ tháng 9/2018 đến nay. Cả chị T và anh Ng đều có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định. Chị T đề nghị được nuôi cả 03 con chung, nếu không được thì đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Quang V; anh Ng có Ng vọng được nuôi dưỡng cháu V và để cho

chị T được nuôi dưỡng con chung là cháu H và cháu M. Quá trình giải quyết vụ án, cháu H và cháu M có ý kiến nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu xin ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy, hai cháu H và M là con gái, đang ở giai đoạn phát triển cần sự chăm sóc, giáo dục, chia sẻ của người mẹ nhiều hơn nên cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/11/2002, Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/10/2009 và giao cho anh Ng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2014. Anh Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Khánh M cùng chị T 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án căn cứ vào biên bản định giá ngày 07/9/2018 để giải quyết chia số tài sản chung hình thành kể từ khi chị T, anh Ng về sống chung với nhau như sau: 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI BKS 29A - 920.61 trị giá 150.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda Air Blade BKS 98B1 - 91317 trị giá 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda wave BKS 98M7 - 1074 trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy wave BKS 98H4 - 0448 trị giá 1.500.000 đồng; 01 chiếc tủ lạnh panasonic trị giá 800.000 đồng; 01 máy giặt SHARP (7,5kg) cửa đứng trị giá 500.000 đồng; 01 bình nóng lạnh Piazen loại 20 lít trị giá 400.000 đồng; 01 máy lọc nước KAROFI trị giá 1.000.000 đồng; 01 điều hòa LG 900 PTU 02 chiều trị giá 6.000.000 đồng; 01 ti vi LG 42 inch trị giá 1.500.000 đồng; 01 bộ loa đài, âm ly trị giá 2.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ lim nhập khẩu trị giá 20.000.000 đồng; 01 bàn thờ gỗ gụ trị giá 16.000.000 đồng; 01 bộ đồ nghề làm đậu (gồm máy xay + máy vắt + nồi điện + khuôn đậu) trị giá 5.000.000 đồng; 85 cây bưởi trồng năm 2017 trị giá 7.106.000 đồng; 02 con lợn sề trị giá 4.000.000 đồng; 01 nhà bếp diện tích 13,865m² trị giá 7.133.000 đồng và 01 nhà vệ sinh tự hoại trị giá 5.971.000 đồng (trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang); 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn diện tích khoảng 67,9 m² trị giá 61.983.000 đồng; 200 m² đất tại thửa số 417, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang trị giá 406.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung chị T, anh Ng thống nhất được đề chia là: 720.893.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

[5] Về số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T: qua xác minh thì thấy trong quá trình sống chung, chị T và anh Ng đã nhiều lần gửi và rút tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T. Lần cuối cùng chị T gửi tiết kiệm là ngày 18.05.2017 với số tiền 73.000.000 đồng, lần cuối cùng anh Ng gửi tiết kiệm là ngày 09/10/2017 với số tiền là 326.114.400 đồng đều là trong thời kỳ anh chị đang sống chung. Đến khi phát sinh mâu thuẫn, trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì anh Ng làm thủ tục rút toàn bộ khoản tiền gửi trên được tổng số tiền gốc và lãi là 347.956.000 đồng vào ngày 06/03/2018 và trong quá

trình Tòa án giải quyết vụ án chị T làm thủ tục rút toàn bộ số tiền gửi trên vào ngày 18/5/2018 được tổng cả gốc và lãi là 77.599.000 đồng. Sau khi rút được tiền anh Ng đã làm thủ tục mua lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Biển kiểm soát (BKS) 29A - 920.61 của anh Nguyễn Văn H trú tại thôn T, xã Ph, huyện Y với giá 250.000.000 đồng nhưng chỉ có giấy viết tay, chị T cho biết chị có biết việc mua bán này nhưng giá trị mua xe bao nhiêu chị không biết và chị không đồng ý việc mua xe nhưng anh Ng vẫn quyết định mua. Như vậy, có thể khẳng định chị T và anh Ng ngoài số tài sản chung đã định giá trên còn có số tài sản chung là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T và tiền lãi thu được từ các khoản tiền gửi này cũng như việc anh Ng dùng số tiền này là tài sản chung để mua xe ô tô trên là có thật nhưng chỉ có thể căn cứ vào trị giá chiếc xe do Hội đồng định giá đã định để tính trị giá chiếc xe khi anh Ng bỏ tiền ra mua vì mới mua được 06 tháng, số tiền còn lại của số tiền 347.956.000 đồng anh Ng đang quản lý là 197.956.000 đồng, số tiền 77.599.000 đồng chị T đang quản lý.

[6] Về ngôi nhà 02 tầng diện tích 70 m² nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang chị T trình bày là tài sản chung của vợ chồng, anh Ng ý kiến đây là tài sản của bố anh là ông Nguyễn Quý V đứng ra xây dựng năm 2005, hiện bố anh đã chết năm 2009. HĐXX thấy, qua làm việc với chính quyền thôn Yên, những người cao tuổi, hàng xóm, người thợ và những người bán vật liệu xây dựng thì thấy việc đứng ra xây dựng, mua vật liệu, thuê thợ, trả tiền công đều do ông Nguyễn Quý V bỏ tiền ra lo liệu. Trong quá trình xây dựng ngôi nhà này thì anh Ng, chị T chỉ tham gia phụ vữa, đi chợ, nấu ăn (các bút lục từ 160 đến 163, từ 169 đến 176). Mặt khác chị T và anh Ng kết hôn cuối năm 2001, sau đó đến cuối năm 2002 thì sinh con nên kinh tế chưa có gì. Tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận trong quá trình ông V đứng ra xây dựng ngôi nhà này, chị T, anh Ng có đóng góp công sức. Như vậy có thể khẳng định ngôi nhà 02 tầng diện tích 70 m²/01 tầng nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang là do ông V đứng ra bỏ tiền xây dựng, tuy nhiên chị T, anh Ng có một phần công sức đóng góp vào việc xây dựng và có công sức trong việc duy trì, bảo quản tài sản là ngôi nhà này từ đó cho đến nay. Trị giá ngôi nhà 02 tầng này theo định giá là 320.686.000 đồng. Vì vậy cần trích chia công sức đóng góp, duy trì, bảo quản tài sản này cho anh Ng, chị T mỗi người 50.000.000 đồng bằng tiền là hợp lý. Trị giá ngôi nhà còn lại là 220.686.000 đồng, do ông V đã chết năm 2009 nên ngôi nhà này cùng với quyền sử dụng 1.789 m² đất tại thửa số 107, tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Y, xã C, huyện T là di sản do ông V và bà Dương Thị Ch để lại cho các con gồm: chị Nguyễn Thị M1, chị Nguyễn Thị M2, chị Nguyễn Thị Th, chị Nguyễn Thị Ch, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ng thừa kế. Quá trình giải quyết vụ án, các chị Nguyễn Thị M1, Nguyễn Thị M2, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H,

Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ng đều ý kiến không yêu cầu chia thừa kế mà để lại cho anh Nguyễn Văn Ng quản lý, sử dụng nên HĐXX thấy cần giao nhà, đất này cho anh Ng tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi nào có yêu cầu chia thừa kế của các chị em anh Ng sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Như vậy, tổng trị giá tài sản chung của anh Ng, chị T tạo dựng được trong quá trình sống chung là: 1.096.448.000 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm bốn tám nghìn đồng). HĐXX thấy, hiện chị T là phụ nữ, phải nuôi 02 con nhỏ, chưa có chỗ ở nên cần giao cho chị T được sở hữu, quản lý, sử dụng số tiền 77.599.000 đồng, 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn diện tích khoảng 67,9 m² 61.983.000 đồng và 200 m² đất tại thửa số 417, tờ bản đồ số 18, địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang trị giá 406.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị T được hưởng là 545.582.000 đồng.

Số tài sản còn lại giao cho anh Ng được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng gồm: 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI BKS 29A - 920.61 trị giá 150.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda Air Blade BKS 98B1 – 91317 trị giá 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda wave BKS 98M7 – 1074 trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy wave BKS 98H4 – 0448 trị giá 1.500.000 đồng; 01 chiếc tủ lạnh panasonic trị giá 800.000 đồng; 01 máy giặt SHARP (7,5kg) cửa đứng trị giá 500.000 đồng; 01 bình nóng lạnh Piazen loại 20 lít trị giá 400.000 đồng; 01 máy lọc nước KAROFI trị giá 1.000.000 đồng; 01 điều hòa LG 900 PTU 02 chiều trị giá 6.000.000 đồng; 01 ti vi LG 42 inch trị giá 1.500.000 đồng; 01 bộ loa đài, âm ly trị giá 2.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ lim nhập khẩu trị giá 20.000.000 đồng; 01 bàn thờ gỗ gụ trị giá 16.000.000 đồng; 01 bộ đồ nghề làm đậu (gồm máy xay + máy vắt + nồi điện + khuôn đậu) trị giá 5.000.000 đồng; 85 cây bưởi trồng năm 2017 trị giá 7.106.000 đồng; 02 con lợn sề trị giá 4.000.000 đồng; 01 nhà bếp diện tích 13,865m² trị giá 7.133.000 đồng và 01 nhà vệ sinh tự hoại trị giá 5.971.000 đồng (nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang) và số tiền anh đang quản lý là 197.956.000 đồng và tổng số tiền công sức đóng góp, duy trì, bảo quản ngôi nhà 02 tầng của ông V là 100.000.000 đồng (anh Ng đang quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của ông V để lại). Tổng trị giá tài sản anh Ng được hưởng là 550.866.000 đồng.

Trị giá tài sản anh Ng được hưởng nhiều hơn chị T là 5.284.000 đồng nên anh Ng có trách nhiệm phải trích trả chị T $\frac{1}{2}$ số tiền này là: 5.284.000 đồng : 2 = 2.642.000 đồng.

[8] nghĩa vụ chung về tài sản: chị T, anh Ng đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về ruộng canh tác: chị T, anh Ng đều ý kiến vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về chi phí thẩm định, định giá: căn vào khoản 3 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự chị T phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định là 1.997.600 đồng; chị T và anh Ng mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí định giá là 2.600.000 đồng : 2 = 1.300.000

đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T đã nộp cả chi phí định giá nên anh Ng phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị T khoản tiền này.

[11] Về án phí: chị T, anh Ng phải chịu án phí chia tài sản chung sơ thẩm trên tổng số tiền được chia là $548.224.000 \text{ đồng} = 20.000.000 + (148.224.000 \times 4\%) = 25.928.960 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí, điểm b khoản 1 Điều 24 và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Anh Ng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

[12] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 2 và khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 165; Điều 166; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a và b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 59; khoản 1 Điều 61; điểm c khoản 2 Điều 62; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 Luật hôn nhân gia đình; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ng.

2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thúy H, sinh ngày 13/11/2002 và Nguyễn Khánh M, sinh ngày 25/10/2009. Giao cho anh Nguyễn Văn Ng tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2014. Anh Nguyễn Văn Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Khánh M cùng chị Nguyễn Thị T 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Ng, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: giao cho chị Nguyễn Thị T được sở hữu, quản lý, sử dụng số tiền 77.599.000 đồng, 01 ngôi nhà bằng cay vôi lợp tôn diện tích khoảng 67,9 m² trị giá 61.983.000 đồng và 200 m² đất tại thửa số 417, tờ bản đồ số 18,

địa chỉ tại thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang trị giá 406.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chi T được hưởng là 545.582.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Giao cho anh Nguyễn Văn Ng được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng: 01 chiếc ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Biển kiểm soát (BKS) 29A - 920.61 trị giá 150.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda Air Blade BKS 98B1 – 91317 trị giá 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy Honda wave BKS 98M7 – 1074 trị giá 4.000.000 đồng; 01 chiếc xe máy wave BKS 98H4 – 0448 trị giá 1.500.000 đồng; 01 chiếc tủ lạnh panasonic trị giá 800.000 đồng; 01 máy giặt SHARP (7,5kg) cửa đứng trị giá 500.000 đồng; 01 bình nóng lạnh Piazen loại 20 lít trị giá 400.000 đồng; 01 máy lọc nước KAROFI trị giá 1.000.000 đồng; 01 điều hòa LG 900 PTU 02 chiều trị giá 6.000.000 đồng; 01 ti vi LG 42 inch trị giá 1.500.000 đồng; 01 bộ loa đài, âm ly trị giá 2.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ lim nhập khẩu trị giá 20.000.000 đồng; 01 bàn thờ gỗ gụ trị giá 16.000.000 đồng; 01 bộ đồ nghề làm đậu (gồm máy xay + máy vắt + nồi điện + khuôn đậu) trị giá 5.000.000 đồng; 85 cây bưởi trồng năm 2017 trị giá 7.106.000 đồng; 02 con lợn sề trị giá 4.000.000 đồng; 01 nhà bếp diện tích 13,865m² trị giá 7.133.000 đồng và 01 nhà vệ sinh tự hoại trị giá 5.971.000 đồng (nằm trên thửa đất số 107, tờ bản đồ số 01 tại thôn Y, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang) và số tiền anh đang quản lý là 197.956.000 đồng và tổng số tiền công sức đóng góp, duy trì, bảo quản ngôi nhà 02 tầng của ông V là 100.000.000 đồng (anh Ng đang quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của ông V để lại). Tổng trị giá tài sản anh Ng được hưởng là 550.866.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn Ng có trách nhiệm trích chia chênh lệch về tài sản cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 2.642.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Về chi phí thẩm định, định giá: chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định là 1.997.600 đồng. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Ng mỗi người phải chịu 1.300.000 đồng chi phí định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền chi phí thẩm định, định giá. Anh Ng phải thanh toán trả chị T 1.300.000 đồng chi phí định giá tài sản.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 25.928.960 đồng tiền án phí tài sản chung sơ thẩm, được trừ vào 20.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu số AA/2017/0001886 ngày 29 tháng 03 năm 2018, AA/2017/0001962 ngày 17 tháng 5 năm 2018 và AA/2017/0001964 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Chị T còn phải nộp 5.128.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm và 25.928.960 đồng tiền án phí chia tài sản chung sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn Ng không trả đủ tiền cho chị Nguyễn Thị T thì anh Ng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả đối với số tiền chậm trả cho đến khi trả xong.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang